

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẠM TẤU  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày 31-3-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Xuân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Quỳnh Nga;
2. Ông Lò Văn Tiếp.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quang Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Sùng Thị M1, sinh năm 1980 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; quốc tịch Việt Nam; con ông Sùng A C (đã chết) và bà Mùa Thị S (đã chết); có chồng là Hằng A T, sinh năm 1980 và 06 con; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ ngày 16-3-2021, tạm giam ngày 19-3-2021; “Có mặt”.

2. Bùi Văn P, sinh năm 1992 tại xã T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú bản K, xã T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 9/12; dân tộc Tày; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Văn V, sinh năm 1971 và bà Lý Thị N, sinh năm 1974; vợ, con chưa có; tiền án không; tiền sự 01: Ngày 14-01-2021 bị Chủ tịch UBND xã T, thị xã N áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng; bị tạm giữ ngày 16-3-2021, tạm giam ngày 19-3-2021; “Có mặt”.

3. Đinh Tuấn M2, sinh năm 2000 tại xã H, thị xã N, tỉnh Y; nơi cư trú bản P, xã H, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 9/12; dân tộc Mường; giới tính nam, tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam;

con ông Đinh Văn T, sinh năm 1978 và bà Lò Thị H, sinh năm 1979; vợ, con chưa có; tiền án không; tiền sự 01: Ngày 10-3-2021 bị Công an thị xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ ngày 16-3-2021; bị tạm giam ngày 19-3-2021; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị M:* Ông Hoàng Kim C - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Người chứng kiến:*

+ Vàng A T, sinh năm 1987; nơi cư trú thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

+ Đào Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú tổ 3, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người phiên dịch:* Ông Mùa A L – Cán bộ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu. tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15-3-2021, Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 rủ nhau đi tìm mua Heroine để sử dụng. P và M2 đi bằng xe máy của M2, từ xã H đến nhà Hảng A T ở thôn L, xã T, huyện T. Tại đây P gặp T ở góc nhà phía sau giường ngủ mua được 01 gói Heroine, với giá 300.000 đồng; T bán Heroine cho P xong thì đi khỏi nhà. M2 đứng ở cạnh cửa ra vào nên nghe thấy T và P trao đổi mua bán Heroine với nhau, còn Sùng Thị M1 (vợ của T) đang dọn dẹp trong nhà, M1 không biết việc T bán Heroine cho P. Sau khi mua được Heroine, P lấy một ít ra cùng M2 sử dụng bằng cách đốt và hít tại bếp trong nhà của M1. M1 thấy P và M2 sử dụng ma túy thì để mặc cho 02 người sử dụng và M1 xin hít cùng và được P cho hít 02 hơi. Sau khi sử dụng xong, P nhặt vỏ bao thuốc lảo gói lại gói Heroine rồi cầm lên giường, ngủ cùng M2. Còn Sùng Thị M1 đi vào trong buồng, lấy gói Heroine và một ít ma túy tổng hợp của mình đã mua từ trước ra sử dụng. Đến 08 giờ 45 phút ngày 16-3-2021 Công an xã Túc Đán và Công an huyện Trạm Tấu phát hiện bắt quả tang Sùng Thị M1, Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 có hành vi tàng trữ ma túy.

Ngoài ra Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 còn khai nhận: P cùng M2 đã đến nhà Hảng A T mua Heroine của T để sử dụng tổng cộng 04 lần mỗi lần cách nhau khoảng 02 đến 03 ngày, cụ thể lần thứ nhất mua với giá 100.000 đồng, lần thứ hai mua với giá 200.000 đồng, lần thứ ba mua với giá 100.000 đồng và lần thứ tư mua với giá 300.000 đồng là ngày 15-3-2021. Tất cả các lần đều là do P dùng tiền của mình trực tiếp mua Heroine của T.

Tại bản kết luận giám định số 174/GĐMT ngày 23-3-2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận:

1. Chất bột nén màu trắng trong gói nilon màu hồng thu giữ khi bắt quả tang Sùng Thị M1 có khối lượng là: 0,19 (*không phải mười chín*) gam; 0,08 gam trích từ 0,19 gam chất bột nén màu trắng gửi đi giám định là ma túy; loại Heroine.

2. Chất bột nén màu trắng trong gói nilon màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Sùng Thị M1 có khối lượng là: 0,04 (*không phải không bốn*) gam; 0,04 gam chất bột nén màu trắng gửi đi giám định là ma túy; loại Heroine.

3. Các mảnh vụn chất bột nén màu đỏ trong gói nilon màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Sùng Thị M1 có tổng khối lượng là: 0,06 (*không phải không sáu*) gam; 0,06 gam các mảnh vụn chất bột nén màu đỏ gửi đi giám định là ma túy; loại Methamphetamine.

4. Chất bột nén màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn P và Đinh Tuấn M có khối lượng là: 0,31 (*không phải ba mươi một*) gam; 0,08 gam trích từ 0,31 gam chất bột nén màu trắng gửi đi giám định là ma túy; loại Heroine.

Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS-TT ngày 09-9-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, truy tố Sùng Thị M1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; truy tố Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi chứa chấp và tàng trữ trái phép chất ma túy mà mình đã thực hiện, vào ngày 15-3-2021. Bị cáo Bùi Văn P đề nghị được nhận lại điện thoại và tiền; Đinh Tuấn M2 đề nghị nhận lại hai điện thoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu thực hiện quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo.

\* Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng Thị M1 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”; bị cáo Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Hình phạt chính:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị M1 từ 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị M1 từ 07 (*bảy*) năm đến 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Sùng Thị M1 phải chịu từ 08 (*tám*) năm 03 (*ba*) tháng đến 09 (*chín*) năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P từ 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng đến 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đinh Tuấn M2 từ 01 (*một*) năm 16 (*mười sáu*) ngày đến 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

\* Vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,34 (*không phải ba mươi tư*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định; 03 vỏ phong bì của Công an huyện Trầm Thủy đã mở niêm phong, bên trong có chứa các mảnh nilon, vỏ bao thuốc lá; 01 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong; 01 vỏ túi hồ sơ đã mở niêm phong; 02 chiếc khăn thổ cẩm có nhiều họa tiết; 01 bộ đèn bàn tự tạo dùng để hút thuốc phiện.

+ Trả lại bị cáo Bùi Văn P 250.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại bị cáo Đinh Tuấn M2 01 chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen và 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A95 cả hai điện thoại đều đã cũ, đã qua sử dụng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo P và bị cáo M2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M1.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa:

Bị cáo M1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng, khối lượng ít; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo khó khăn, đông con.

Đối với tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” không nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên. Bởi lẽ: Hành vi biết P và M2 sử dụng ma túy tại nhà của mình M1 đã bỏ mặc cho họ sử dụng ma túy chỉ là yếu tố cấu thành cơ bản của tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256 của Bộ luật Hình sự, khi biết thì các bị cáo P và M2 đang sử dụng, nên mới

bỏ mặc và xin hút nhờ. Tại danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực do Toà án nhân dân tối cao ban hành công bố kèm theo quyết định 355-TANDTC ngày 08-10-2021 công bố các Nghị quyết và thông tư hướng dẫn không có Thông tư liên tịch số 17 và 08 hướng dẫn tội phạm về ma túy được công bố là hết hiệu lực pháp luật. Mặt khác, bị cáo phạm tội ngày 15-3-2021 xảy ra trước ngày Toà án nhân dân tối cao ban hành một số văn bản pháp luật hướng dẫn bộ luật hình sự năm 1999 hết hiệu lực pháp luật là ngày 08-10-2021. Nên phải áp dụng có lợi cho bị cáo trước khi văn bản pháp luật hết hiệu lực. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 256 của Bộ luật Hình sự về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Từ những phân tích trên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng Thị M1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; áp dụng khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Sùng Thị M1 07 (bảy) năm tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Sùng Thị M1 phải chịu 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Vật chứng, tài sản bị tạm giữ và án phí: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo M1 nhất trí với lời bào chữa, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Bị cáo Sùng Thị M1 thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 15/3/2021 là thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành.

Thông tư liên tịch số 17 ngày 24/12/2007 là văn bản dưới luật, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 và hiện nay Bộ luật Hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực. Bộ luật Hình sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật quy định về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, đối với trường hợp chứa chấp 02 người trở lên là tình tiết tăng nặng định khung. Hành vi của Sùng Thị M1 chứa chấp cùng một lúc Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình là thuộc trường hợp phạm tội “Đối với 02 người trở lên”, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự 2015. Do vậy, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với Sùng Thị M1.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; gia đình các bị cáo khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tràm Tầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràm Tầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 15-3-2021, Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 đến nhà Hằng A T và Sùng Thị M1 tại thôn L, xã T, huyện T mua được 01 gói Heroine của Hằng A T, với giá 300.000 đồng. Sau đó P lấy một ít Heroine cùng M2 sử dụng bằng cách đốt và hít tại bếp trong nhà Sùng Thị M1. M1 thấy P và M2 sử dụng ma túy tại nơi ở của mình, nhưng để mặc cho 02 người sử dụng và M1 còn xin P cho hít hai hơi Heroine. Sau khi sử dụng xong P cầm gói Heroine lên giường ngủ cùng M2 tại nhà của M1. Đến khoảng 08 giờ 45 phút, ngày 16-3-2021 Công an xã Túc Đán và Công an huyện Tràm Tầu bắt quả tang, thu giữ của Sùng Thị M1 0,23 gam Heroine và 0,06 gam Methamphetamine; thu giữ của Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 0,31 gam Heroine. Mục đích các bị cáo tàng trữ ma túy là để thỏa mãn nhu cầu sử dụng bất hợp pháp của bản thân.

Các bị cáo Sùng Thị M1, Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; các bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự; bị cáo M1 nhận thức được việc bỏ mặc cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi mình quản lý là trái pháp luật; các bị cáo cũng biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng các bị cáo cố ý thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy trái pháp luật của bản thân.

Hành vi tàng trữ, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo M1 và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo P và bị cáo M2 thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng, lan tràn tình trạng nghiện chất ma túy; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Đối với đề nghị của người bào chữa về việc đề nghị áp dụng Thông tư liên tịch số 17 và 08 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII các tội phạm về ma túy của Bộ luật Hình sự năm 1999, để xét xử Mỹ theo khoản 1 điều 256 của Bộ luật Hình sự về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là không có căn cứ. Bởi Thông tư liên tịch số 17 và 08 hướng dẫn

áp dụng các tội phạm về ma túy quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999, thời điểm bị cáo Mỹ phạm tội Bộ luật Hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực pháp luật và được thay thế bởi bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, nên Thông tư liên tịch số 17 và 08 đương nhiên hết hiệu lực, nên đề nghị của người bào chữa không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc xét xử Sùng Thị M1 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ngày 15-3-2021 Sùng Thị M1 đã chứa chấp P và M2 sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình, nên M1 phải chịu tình tiết tăng nặng định khung là phạm tội đối với 02 người trở lên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 không có sự cấu kết chặt chẽ, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó P là người rủ M2 đi tìm mua và trả tiền mua ma túy, M2 là người chở P đi mua ma túy. Nên P và M2 cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy bị bắt quả tang là 0,31 gam Heroine. Tuy nhiên, P là người khởi sự, chủ động giao dịch mua ma túy, nên P phải chịu mức hình phạt cao hơn M2.

[7] Từ những căn cứ trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo Sùng Thị M1 thực hiện đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[8] Nhân thân: Các bị cáo cùng là người nghiện chất ma túy, ngoài ra bị cáo P và bị cáo M2 mỗi người có 01 tiền sự, nên xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo cùng được hưởng.

[10] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với bị cáo M1 trong tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[11] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người thu nhập không ổn định, phạm tội không có mục đích lợi nhuận. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

- Đối với: 0,34 (*không phải ba tư*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định. Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 03 vỏ phong bì của Công an huyện Tràm Tàu đã mở niêm phong, bên trong có chứa các mảnh nilon, vỏ bao thuốc lòn; 01 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong; 01 vỏ túi hồ sơ đã mở niêm phong; 02 chiếc khăn thổ cẩm có nhiều hoạ tiết; 01 bộ đèn bàn tự tạo dùng để hút thuốc phiện. Các mảnh nilon gói, vỏ bao thuốc lòn và chiếc khăn thổ cẩm các bị cáo đã sử dụng để tàng trữ ma túy, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; 04 (*bốn*) vỏ phong bì Cơ quan điều tra sử dụng để niêm phong vật chứng và 01 (*một*) bộ đèn bàn tự tạo là dụng cụ để hút thuốc phiện, xét không có giá trị, nên tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 250.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Bùi Văn P; 01 chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen và 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A95 cả hai điện thoại đều đã cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Đinh Tuấn M2. Những tài sản này không liên quan đến tội phạm, nên trả cho các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Án phí và các vấn đề khác:

- Bị cáo P và bị cáo M2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo M1 là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo M1.

- Đối với hành vi của Bùi Văn P cung cấp ma túy, dùng bật lửa đốt dưới tờ giấy bạc, trên có ma túy, để Sùng Thị M1 sử dụng (hít), có dấu hiệu của tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ và Viện kiểm sát không truy tố, nên Hội đồng xét xử chưa có cơ sở để xử lý. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Tràm Tàu tiếp tục điều tra làm rõ hành vi Bùi Văn P cung cấp ma túy, dùng bật lửa đốt dưới tờ giấy bạc, trên có ma túy, để Sùng Thị M1 sử dụng (hít).

- Đối với người đàn ông bị cáo M1 khai là người đã bán ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.



- Đối với Hằng A T đã nhiều lần bán ma túy cho Bùi Văn P và Đinh Tuấn M2. Toà án nhân dân huyện Trầm Thủy đã đưa ra xét xử vào ngày 22/12/2021.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Sùng Thị M1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn P, Đinh Tuấn M2 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

#### **2. Điều luật áp dụng và hình phạt:**

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị M1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sùng Thị M1 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Sùng Thị M1 phải chịu 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 16-3-2021.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 16-3-2021.

Xử phạt bị cáo Đinh Tuấn M2 01 (một) năm 16 ngày tù. Trả tự do cho bị cáo Đinh Tuấn M2 tại phiên toà.

3. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Trầm Thủy tiếp tục điều tra làm rõ hành vi Bùi Văn P cung cấp ma túy, dùng bật lửa đốt dưới tờ giấy bạc, trên có ma túy, để Sùng Thị M2 sử dụng (hít).

4. Vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,34 (không phải ba mươi tư) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định, đã được niêm phong; 03 vỏ phong bì của Công an

huyện Trạm Tàu đã mở niêm phong, bên trong có chứa các mảnh nilon, vỏ bao thuốc lá; 01 vỏ phong bì thư đã mở niêm phong; 01 vỏ túi hồ sơ đã mở niêm phong; 02 chiếc khăn thổ cẩm có nhiều họa tiết; 01 bộ đèn bàn tự tạo dùng để hút thuốc phiện.

+ Trả lại bị cáo Bùi Văn P 250.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại bị cáo Đinh Tuấn M 01 chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu Nokia, màu đen và 01 chiếc điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A95 cả hai điện thoại đều đã cũ, đã qua sử dụng.

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Bị cáo P và bị cáo M2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M1.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tàu;
- Công an huyện Trạm Tàu;
- Bị cáo; người bào chữa;
- UBND xã T1;
- UBND xã T2;
- UBND xã H;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Xuân**